Tên đơn vị:.....

Chương:.....

Biểu mẫu số 23

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) (*) NĂM....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm .... -			Thực hiện năm .... (năm trước)		Năm.... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm .... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm ...(năm kế hoạch)			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm hiện hành đến 30/6/năm hiện hành		Ước thực hiện năm hiện hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG SỐ																										
I	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																										
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																										
1	Dự án ...																										
	.....																										
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																										
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm .... (năm hiện hành)**																										
a	***Dự án quan trọng quốc gia***																										
1	Dự án ..																										
2	Dự án ..																										
...	.....																										
b	***Dự án nhóm A***																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
...	.....																										
b	***Dự án nhóm B***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
d	***Dự án nhóm C***																										
1	Dự án																										
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm.... (năm kế hoạch)**																										
	Phân loại như điểm(1)																										
...	.....																										

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) (*) NĂM....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm .... -			Thực hiện năm .... (năm trước)		Năm.... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm .... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm ....(năm kế hoạch)			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm hiện hành đến 30/6/năm hiện hành		Ước thực hiện năm hiện hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
																									Thu hồi các khoản ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB*	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm.... (năm kế hoạch)**																										
	Phân loại như điểm (1)																										
...	.....																										
(4)	**Các dự án khởi công mới năm.... (năm kế hoạch)**																										
	Phân loại như điểm (1)																										
...	.....																										
II	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																										
...	**PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN**																										

Ghi chú: (*) Chưa bao gồm vốn đối ứng các Dự án ODA được lập tại mẫu biểu số 24

..., ngày ... tháng ... năm .....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:..... **Mẫu biểu số 24**

Chương:.....

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm ... - ..						
								Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
										Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài [2]				Tổng số	Trong đó			
										Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				NSTW		TPCP	
													Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW			Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ																				
I	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																				
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)**																				
a	***Dự án quan trọng cấp quốc gia***																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ...																				
...	.....																				
b	***Dự án nhóm A***																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ...																				
...	.....																				
b	***Dự án nhóm B***																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
d	***Dự án nhóm C***																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm .... (năm kế hoạch)**																				
	Phân loại như điểm (1)																				
...	.....																				
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)**																				

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 24

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm ... - ...						
								Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*					
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*						Tổng số	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
										Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài [2]					Trong đó				
										Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				NSTW		TPCP		
													Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW			Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Phân loại như điểm (1)																				
	.....																				
(4)	**Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)**																				
	Phân loại như điểm (1)																				
	.....																				
II	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																				
	Phân loại như trên																				

Ghi chu

(1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng

(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt Nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định. Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt Nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

Mẫu biểu số 24

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Thực hiện năm ..... (năm trước)					Kế hoạch năm .... (năm hiện hành) được giao					Giải ngân từ 1/1/năm ... (năm hiện hành) đến 30/6/năm ....(năm hiện hành)					Ước thực hiện năm ....(năm hiện hành)					Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm ...(năm kế hoạch)					Ghi chú
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				
	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
		NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*		
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46

Mẫu biểu số 24

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Thực hiện năm ..... (năm trước)					Kế hoạch năm .... (năm hiện hành) được giao					Giải ngân từ 1/1/năm ... (năm hiện hành) đến 30/6/năm ....(năm hiện hành)					Ước thực hiện năm ....(năm hiện hành)					Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm... (năm kế hoạch)					Ghi chú
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				
	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
		NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP			NSTW	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*			
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46

..., ngày ... tháng ... năm ....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

Mẫu biểu số 25

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT (GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm						Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm ... - ...					Thực hiện năm ... (năm trước)				
					Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*					Vốn trong nước			Vốn nước ngoài		Vốn trong nước			Vốn nước ngoài
							Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
								NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác			NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ																			
I	**Chương trình mục tiêu .....**																			
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)**																			
a	***Dự án nhóm A***																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
b	***Dự án nhóm B***																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
c	***Dự án nhóm C***																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm... (năm kế hoạch)**																			
	Phân loại như điểm (1)																			
...	.....																			
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)**																			
	Phân loại như điểm (1)																			
...	.....																			
(4)	**Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)**																			
	Phân loại như điểm (1)																			
...	.....																			
II	**Dự án.....**																			
...	**Phân loại như trên**																			
III	**Chương trình .....**																			
...	**Phân loại như trên**																			
IV	**Các chương trình, dự án khác giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước (nếu có phát sinh trong năm .... (năm kế hoạch))**																			
...	**Phân loại như trên**																			

Ghi chú:
(*) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm ... (năm hiện hành) (nếu có)

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT (GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Kế hoạch năm .... (năm hiện hành) được giao					Số vốn kéo dài các năm trước sang năm ... (năm hiện hành) (nếu có)					Giải ngân từ 1/1/năm ... (năm hiện hành) đến 30/6/.... (năm hiện hành) (*)					Ước thực hiện năm..... (năm hiện hành)					Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm....(năm kế hoạch)					Ghi chú
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				
	Vốn trong nước			Vốn nước ngoài		Vốn trong nước			Vốn nước ngoài		Vốn trong nước			Vốn nước ngoài		Vốn trong nước			Vốn nước ngoài		Vốn trong nước			Vốn nước ngoài	
	Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
		NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác		
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45

..., ngày ... tháng ... năm .....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

Mẫu biểu số 26

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSĐP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm .... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm ...(năm kế hoạch).				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành)(*)		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)(*)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
									Tổng số	*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*													Tổng số	*Trong đó:*		
																									Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ																											
A	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**																											
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia .....**																											
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																											
1	Dự án ...																											
...	.....																											
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																											
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm.... (năm hiện hành)**																											
a	***Dự án nhóm A***																											
1	Dự án ...																											
2	Dự án ...																											
...	.....																											
b	***Dự án nhóm B***																											
1	Dự án ...																											
...	.....																											
c	***Dự án nhóm C***																											
1	Dự án ...																											
...	.....																											
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm... (năm kế hoạch)**																											
	Phân loại như điểm (1)																											
...	.....																											
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế**																											
	Phân loại như điểm (1)																											
...	.....																											
(4)	**Các dự án khởi công mới năm.... (năm kế hoạch)**																											
	Phân loại như điểm (1)																											
...	.....																											

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 26

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSĐP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm .... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm ...(năm kế hoạch).				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành)(*)		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)(*)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:															Trong đó: NSTW			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB															Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia .....**																											
...	**PHÂN LOẠI NHƯ I**																											
B	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**																											
I	**Chương trình.....**																											
...	**PHÂN LOẠI NHƯ MỤC I PHẦN A**																											
II	**Chương trình.....**																											

Ghi chú: (*) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm... (năm hiện hành) (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 27

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM ....

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 5 năm ... - ...			Thực hiện năm ..... (năm trước)			Năm .....(năm hiện hành)												Dự kiến kế hoạch năm .... (năm kế hoạch)			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Kế hoạch được giao năm hiện hành			Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)			Giải ngân từ 1/1/năm hiện hành đến 30/6/năm hiện hành (1)			Ước thực hiện năm hiện hành (1)			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
								Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ																						
1	**Vốn NSNN**																						
	Trong đó:																						
	Vốn trái phiếu Chính phủ																						
2	**Vốn đầu tư từ nguồn thu để lại nhưng chưa đưa vào NSNN (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)**																						
	.....																						
3	**Các nguồn vốn khác (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)**																						
	.....																						

Ghi chú:

(1) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm hiện hành (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm .....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu số 28

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM ....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ... - ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	1	2	3	4
1	Diện tích	ha				
	Trong đó:					
	- Đất nông nghiệp	ha				
	- Đất lâm nghiệp	ha				
	- Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên	ha				
	- Diện tích rừng tự nhiên	ha				
	- Diện tích trồng lúa	ha				
2	Dân số	người				
	Trong đó:					
	- Dân số đô thị	*người*				
	- Dân số đồng bằng	*người*				
	- Dân số miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	*người*				
	- Dân số vùng cao - hải đảo	*người*				
	- Tốc độ tăng dân số	%				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 18 tuổi trở xuống	người				
	- Dân số sinh sống ở các loại đô thị:	người				
	+ Loại đặc biệt	người				
	+ Loại I	người				
	+ Loại II	người				
	+ Loại III	người				
	+ Loại IV	người				
	+ Loại V	người				
	- Dân số là người dân tộc thiểu số	người				
	- Dân số nhập cư vãng lai	người				
3	Đơn vị hành chính cấp huyện	huyện				
	Trong đó:					
	- Số đô thị loại I (thuộc tỉnh)	đô thị				
	- Số đô thị loại II	đô thị				
	- Số đô thị loại III	đô thị				
	- Số đô thị loại IV	đô thị				
	- Số đô thị loại V	đô thị				
	- Số huyện đảo không có đơn vị hành chính xã	huyện				
	- Số huyện thuộc Chương trình 30a	huyện				
	- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	huyện				
4	Đơn vị hành chính cấp xã	xã				
	Trong đó:					
	- Xã biên giới	xã				
	+ Xã biên giới giáp Lào, Campuchia	*xã*				
	+ Xã biên giới giáp Trung Quốc	*xã*				
	- Xã đảo	xã				
	- Số xã thuộc huyện 30a	xã				
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	xã				
5	Số đơn vị hành chính mang tính đặc thù	đơn vị				
	Trong đó: - cấp tỉnh	đơn vị				
	- cấp huyện	đơn vị				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ... - ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	1	2	3	4
6	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GRDP)	%				
	Trong đó:					
	- Ngành công nghiệp xây dựng	%				
	- Ngành nông lâm thuỷ sản	%				
	- Ngành dịch vụ	%				
7	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)					
	- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng				
	- Giá trị sản xuất ngành nông lâm thuỷ sản	tỷ đồng				
	- Giá trị ngành dịch vụ	tỷ đồng				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	%				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông lâm thuỷ sản	%				
	- Tỷ trọng giá trị ngành dịch vụ	%				
8	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%				
9	Kim ngạch xuất nhập khẩu	triệu USD				
	Trong đó:					
	- Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD				
	- Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD				
10	Số doanh nghiệp	doanh nghiệp				
	- Số vốn bình quân/doanh nghiệp	tỷ đồng				
	- Số doanh nghiệp nhỏ và vừa	doanh nghiệp				
11	Giải quyết việc làm	người				
12	Số lượt khách du lịch	người				
13	Số người nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia	lượt người				
	Trong đó:					
	- Số người nghèo theo tiêu chí thu nhập	người				
	- Số người nghèo do thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản	người				
	- Tỷ lệ nghèo	%				
14	Giáo dục, đào tạo					
	- Số giáo viên	người				
	- Số học sinh	học sinh				
	Trong đó:					
	+ Học sinh Dân tộc nội trú	học sinh				
	+ Học sinh bán trú	học sinh				
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	học sinh				
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	trường				
15	Y tế:					
	- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở				
	- Số giường bệnh	giường				
	Trong đó:					
	+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường				
	+ Giường bệnh cấp huyện	giường				
	+ Giường phòng khám khu vực	giường				
	+ Giường y tế xã phường	giường				
	- Số đối tượng mua BHYT					
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	người				
	+ Người thuộc hộ nghèo	người				
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Triệu đồng				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ... - ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	1	2	3	4
	+ Người hiến bộ phận cơ thể	người				
	+ Học sinh, sinh viên	người				
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	người				
16	Chỉ tiêu bảo đảm xã hội					
	- Trung tâm bảo trợ xã hội	cơ sở				
	- Số đối tượng sống tại trung tâm bảo trợ xã hội	người				
	- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	người				
	- Số gia đình bệnh binh	gia đình				
	- Số gia đình thương binh	gia đình				
	- Số gia đình liệt sỹ	gia đình				
	- Số gia đình có công với đất nước	gia đình				
	- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình				
	- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình				
	- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình				
	- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình				
	- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người				
	- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số	hộ				
	Trong đó: Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo	hộ				
	- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội	người				
17	Văn hoá thông tin					
	- Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	đoàn				
	- Số đoàn nghệ thuật truyền thống	đoàn				
	- Số đội thông tin lưu động	đội				
	- Di sản văn hoá thế giới	di sản				
	- Di sản văn hoá cấp quốc gia	di sản				
18	Phát thanh, truyền hình					
	Số huyện ở miền núi-vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình	huyện				
19	Thể dục thể thao					
	- Số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	người				
	- Số vận động viên khuyết tật tham gia các giải do Trung ương tổ chức	người				

...., ngày ... tháng... năm .....
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu số 29.1

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....

(Dùng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ...(năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**				
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%				
2	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %				
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**				
IV	**Thu kết dư**				
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**				
C	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**				
1	Chi đầu tư phát triển (1)				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
4	Dự phòng ngân sách				
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu**				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí (nếu có).

..., ngày ... tháng... năm ....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu 29.2

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....

(Dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm .... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**				
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%				
2	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %				
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**				
IV	**Thu kết dư**				
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**				
C	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**				
1	Chi đầu tư phát triển (1)				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lãi, phí				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu**				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				
D	**BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
F	**TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc (nếu có).

., ngày ... tháng... năm .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND tỉnh, thành phố.....

Mẫu biểu số 30

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ....(năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	**MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP**				
B	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
C	**KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC**				
I	**Tổng dư nợ đầu năm**				
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)				
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
II	**Trả nợ gốc vay trong năm**				
1	**Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay**				
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước				
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
2	**Nguồn trả nợ**				
-	Từ nguồn vay				
-	Bội thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				
III	**Tổng mức vay trong năm**				
1	Theo mục đích vay				
-	Vay bù đắp bội chi				
-	Vay trả nợ gốc				
2	Theo nguồn vay				
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước				
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
IV	**Tổng dư nợ cuối năm**				
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)				
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
D	**Trả nợ lãi, phí**				

Ghi chú: (1) Chi tiết theo từng dự án.

...., ngày ... tháng... năm .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 31

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM ...

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)						
I	**THU NỘI ĐỊA**						
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 31

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM ...

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
5	**Lệ phí trước bạ**						
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**						
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**						
8	**Thuế thu nhập cá nhân**						
9	**Thuế bảo vệ môi trường**						
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu						
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
10	**Phí, lệ phí**						
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu						
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu						
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
11	**Tiền sử dụng đất**						
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý						
12	**Thu tiền thuê đất, mặt nước**						
13	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**						
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương						
14	**Thu từ bán tài sản nhà nước**						
	Trong đó: - Do trung ương quản lý						
	- Do địa phương quản lý						
15	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước**						
	Trong đó: - Do trung ương xử lý						
	- Do địa phương xử lý						
16	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**						
17	**Thu khác ngân sách**						
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương						
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**						
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp						
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp						

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 31

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM ...

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)						
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)						
II	THU TỪ DẦU THÔ						
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
4	Thuế bảo vệ môi trường						
5	Thuế giá trị gia tăng						

Ghi chú: (1) Bao gồm các khoản thu NSĐP hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP.

..... ngày ... tháng... năm .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 32

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSĐP NĂM .....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước TH năm ... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
A	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II)**			
I	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tỉnh tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)			
1	**Chi đầu tư phát triển**			
1.1	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật**			
1.2	**Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)**			
	Trong đó:			
1.2.1	**Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn**			
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước			
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			
1.2.2	**Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực**			
a	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
b	*Chi khoa học và công nghệ*			
c	*Chi quốc phòng*			
d	*Chi an ninh*			
đ	*Chi y tế, dân số và gia đình*			
e	*Chi văn hóa thông tin*			
g	*Chi phát thanh, truyền hình*			
h	*Chi thể dục thể thao*			
i	*Chi bảo vệ môi trường*			
k	*Chi hoạt động kinh tế*			
l	*Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể*			
m	*Chi bảo đảm xã hội*			
n	*Chi khác*			
2	**Chi thường xuyên**			
a	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
b	*Chi khoa học và công nghệ*			
c	*Chi quốc phòng*			
d	*Chi an ninh*			
đ	*Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình*			

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 32

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSĐP NĂM .....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước TH năm ... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
e	*Chi sự nghiệp văn hóa thông tin*			
g	*Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình*			
h	*Chi sự nghiệp thể dục thể thao*			
i	*Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường*			
k	*Chi hoạt động kinh tế*			
l	*Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể*			
m	*Chi bảo đảm xã hội*			
n	*Chi khác*			
3	**Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay**			
4	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
5	**Dự phòng ngân sách**			
6	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**			
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu**			
1	**Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**			
2	**Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác**			
3	**Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định**			
B	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi (nếu có).

...., ngày ... tháng... năm .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 33

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSĐP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM...(NĂM HIỆN HÀNH) (1) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM .... CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm .... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm .... (năm kế hoạch)				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành) [1]		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành) [1]		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB														Trong đó:			
																									Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ																											
A	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**																											
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**																											
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																											
1	Dự án ...																											
..	.....																											
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																											
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm.... (năm hiện hành)**																											
a	***Dự án nhóm A***																											
1	Dự án ...																											
2	Dự án ...																											
..	.....																											
b	***Dự án nhóm B***																											
1	Dự án ...																											
..	.....																											
c	***Dự án nhóm C***																											
1	Dự án ...																											
..	.....																											
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm... (năm kế hoạch)**																											
	Phân loại như điểm (1)																											
...	.....																											
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)**																											
	Phân loại như điểm (1)																											

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 33

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSĐP (VỐN TRONG NƯỚC)

NĂM...(NĂM HIỆN HÀNH) (1) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM .... CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm .... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm .... (năm kế hoạch)				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành) (1)		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành) (1)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW																		
									Tổng số	Trong đó:															Trong đó:		
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB															Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
...	.....																											
(4)	**Các dự án khởi công mới năm.... (năm kế hoạch)**																											
	Phân loại như điểm (1)																											
...	.....																											
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**																											
...	**PHÂN LOẠI NHƯ I**																											
B	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**																											
I	**Chương trình.....**																											
...	**PHÂN LOẠI NHƯ MỤC I PHẦN A**																											
II	**Chương trình.....**																											
	.....																											

Ghi chú: (1) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm... (năm hiện hành) (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI KẾ HOẠCH NĂM .... (NĂM HIỆN HÀNH) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM ..... (NĂM KẾ HOẠCH)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm ... - ...						
								Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*					
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
										Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài [2]				Tổng số	Trong đó			
													Quy đổi ra tiền Việt				NSTW		TPCP	
										Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW			Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ																				
I	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																				
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)**																				
a	***Dự án quan trọng cấp quốc gia***																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ...																				
...	.....																				
b	***Dự án nhóm A***																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ..																				
...	.....																				
b	***Dự án nhóm B***																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
d	***Dự án nhóm C***																				
1	Dự án ...																				
..	.....																				

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu biểu số 34

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI KẾ HOẠCH NĂM .... (NĂM HIỆN HÀNH) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM ..... (NĂM KẾ HOẠCH)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm ... - ...						
								Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
										Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài [2]				Trong đó				
										Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	NSTW		TPCP	
													Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW			Tổng số	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng s	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm .... (năm kế hoạch)**																			
	Phân loại như điểm (1)																			
...	.....																			
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)**																			
	Phân loại như điểm (1)																			
...	.....																			
(4)	**Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)**																			
	Phân loại như điểm (1)																			
...	.....																			
II	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																			
...	**Phân loại như trên**																			

Ghi chú:

(1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng

(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định.\ Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

Mẫu biểu số 34

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM....VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM .....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Thực hiện năm ….. (năm trước)					Kế hoạch năm …. (năm hiện hành) được giao					Giải ngân từ 1/1/năm … (năm hiện hành) đến 30/6/năm ….(năm hiện hành)					Ước thực hiện năm ….(năm hiện hành)					Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm…. (năm kế hoạch)					Ghi chú
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				
	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
		NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*		
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM....VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM .....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Thực hiện năm ..... (năm trước)					Kế hoạch năm .... (năm hiện hành) được giao					Giải ngân từ 1/1/năm ... (năm hiện hành) đến 30/6/năm ....(năm hiện hành)					Ước thực hiện năm ....(năm hiện hành)					Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm.... (năm kế hoạch)					Ghi chú
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				
	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
		NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*		
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46

..., ngày ... tháng ... năm ... ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ):.....

Mẫu biểu số 35

DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ) NĂM ...

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước thực hiện năm...(năm hiện hành)	Dự toán năm...(năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
1	Sự nghiệp giáo dục			
2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
4	Sự nghiệp y tế			
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
6	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
7	Sự nghiệp thể dục thể thao			
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
9	Sự nghiệp bảo đảm xã hội			
	....			

Ghi chú: Không bao gồm các khoản thuế, lệ phí, phí phải nộp NSNN (nếu có) và chi phí thu

...., ngày ... tháng... năm .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, cơ quan Trung ương:..... Mẫu biểu số 36
Chương:.....

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo mẫu A) số: ..... của .....)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	***Chi sự nghiệp.....***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	***Lệ phí***	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
3.2	***Phí***	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Nghiên cứu khoa học**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	.....	

Ghi chú:

- Trong trường hợp uỷ quyền cho các đơn vị dự toán cấp II phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thì do thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II ký theo uỷ quyền của thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I.
- Chi tiết: các khoản chi bằng lệnh chi tiền; ghi thu ghi chi các dự án ODA.

Bộ, cơ quan Trung ương:.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 37

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....

(Kèm theo quyết định (theo mẫu A) số: ..... của .....)

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng (1)		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị ....
A	B	1	2	3	4
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	**Số thu phí, lệ phí**				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
2.1	***Chi sự nghiệp .....***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
3.1	***Lệ phí***				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
3.2	***Phí***				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (2)**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Nghiên cứu khoa học**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	.....				
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú:

(1) Nếu số đơn vị trực thuộc nhiều, có thể đổi chỉ tiêu theo cột ngang thành chỉ tiêu theo hàng dọc; tổng hợp cả số phân bổ của các đơn vị tổ chức theo ngành dọc đã uỷ quyền cho các đơn vị cấp II phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

(2) Đối với các nhiệm vụ chi cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền phải chi tiết vào từng lĩnh vực chi, phần kinh phí không thực hiện tự chủ (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên).

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Chương: .....

Mẫu biểu số 38

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm .... (năm hiện hành)																			
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị					Chi														Chênh lệch thu - chi
							Chi từ nguồn thu được để lại				Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ										
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu dịch vụ tuyển sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng	Chi thường xuyên		Chi không TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên			
								Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý			Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên sư phạm	Chính sách cho học sinh dân tộc	Chính sách khác được nhà nước cấp kinh phí....	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chi tiết từng Đề án)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác	
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+...+19	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG						-							-		-	-		-		
I	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**						-										-				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
II	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên**						-										-				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
III	**Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động**																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
IV	**Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động**						-														
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
V	**Các đơn vị khác**						-										-				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Chương: .....

Mẫu biểu số 38

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm nay																		
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị					II. Dự toán chi													Dự kiến chênh lệch thu - chi
							Chi từ nguồn thu được để lại				Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ									
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu dịch vụ tuyển sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng	Chi thường xuyên		Chi không TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên			
								Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý			Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên sư phạm	Chính sách cho học sinh dân tộc	Chính sách khác được nhà nước cấp kinh phí....	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chi tiết từng Đề án)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác	
A	B	21=21+...+24	22	23	24	25	26=27+28+29	27	28	29	30=31+...39	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
	TỔNG CỘNG						-							-		-	-		-		
I	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**						-										-				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
II	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên**						-										-				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
III	**Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động**																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
	....																				
IV	**Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động**						-														
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
	.....																				
V	**Các đơn vị khác**						-										-				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
	.....																				

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Chương: .....

Mẫu biểu số 39.1

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B	....	
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số						
I	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (chi tiết theo loại, khoản)**						
I.1	***Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia***						
	Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
I.2	***Nhiệm vụ KHCN cấp bộ***						
	Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
I.3	***Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở***						
	Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
II	**Kinh phí thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)**						
	Loại ..... Khoản ..... (ví dụ Loại 370 Khoản 371)						
A1	***Tiền lương và hoạt động bộ máy***						
	Kinh phí tự chủ tài chính						
	Kinh phí không tự chủ tài chính						
1	Tiền lương, tiền công						
2	Hoạt động bộ máy						
A2	***Hoạt động thường xuyên theo chức năng***						
	Kinh phí tự chủ tài chính						
	Kinh phí không tự chủ tài chính						

Bộ, cơ quan Trung ương: .....

Chương: .....

Mẫu biểu số 39.1

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B	....	
A	B	1	2	3	4	5	6
A3	***Kinh phí thường xuyên khác** (kinh phí không tự chủ)*						
III	**Kinh phí không thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)**						
A1	***Hợp tác quốc tế***						
1	- Đoàn ra						
2	- Đoàn vào						
3	- Hội nghị, Hội thảo quốc tế tổ chức tại VN						
4	- Niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế						
5	- Vốn đối ứng thực hiện các dự án nước ngoài						
A2	***Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN***						
1	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN chuyển tiếp từ năm trước						
2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN thực hiện từ năm nay						
A3	***Sửa chữa, chống xuống cấp***						
1	Sửa chữa, chống xuống cấp chuyển tiếp từ năm trước						
2	Sửa chữa, chống xuống cấp thực hiện từ năm nay						

Bộ, cơ quan Trung ương: .....
Chương: .....

Mẫu biểu số 39.2

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN				Nguồn khác		
					Tổng số	Đã bố trí (Cụ thể theo từng năm đối với nhiệm vụ thực hiện nhiều năm)	Dự kiến phân bổ đợt này	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện của năm..... (năm hiện hành)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
A	**Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia**										
I	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**										
	Loại .... Khoản ...										
1	Tên đơn vị dự toán										
1.1	Nhiệm vụ....										
1.2	Nhiệm vụ....										
	....										
2	Tên đơn vị dự toán										
	....										
II	**Nhiệm vụ mở mới**										
	Loại .... Khoản										
1	Tên đơn vị dự toán										
1.1	Nhiệm vụ....										
1.2	Nhiệm vụ....										
	....										
2	Tên đơn vị dự toán										
	....										
B	**Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ**										
	(Thuyết minh chi tiết tương tự như nội dung chi nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia)										
	...										
C	**Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở**										
	(Thuyết minh chi tiết tương tự như nội dung chi nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia)										
D	**Các hoạt động thường xuyên theo chức năng**										
1	Tên đơn vị dự toán										
1.1	Nhiệm vụ....										
1.2	Nhiệm vụ....										
	....										
E	**Các hoạt động không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền giao (Hợp tác quốc tế, Tăng cường năng lực, sửa chữa chống xuống cấp,...**										
1	Tên đơn vị dự toán										
1.1	Nhiệm vụ....										
1.2	Nhiệm vụ....										

Bộ, cơ quan Trung ương: ....
Chương:....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG NĂM .....

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.1

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM .... (NĂM HIỆN HÀNH)																								
		Người lao động			Quỹ lương			Tỷ lệ NSNN hỗ trợ tiền lương	Định mức chi chuyên môn	Định mức mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Tổng dự toán chi NSNN được sử dụng trong năm	Dự toán chi NSNN giao đầu năm	Chi nhiệm vụ thường xuyên					Chi nhiệm vụ không thường xuyên			Bổ sung trong năm			Tổng thu phí và thu khác	Trong đó			Lệ phí
		Số lượng người làm việc (biên chế)		Hợp đồng 68	Cộng	Quỹ lương biên chế có mặt	Quỹ lương HĐ 68						Cộng	Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi hoạt động thường xuyên chuyên môn	Chi đặc thù, lấy mẫu, thử mẫu,k.tra chất lượng SP, hàng hóa	Cộng	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Theo các DA được duyệt	Cộng	Thường xuyên	Không thường xuyên		Phí	Thu hoạt động dịch vụ	Thu khác	
		Kế hoạch	Có mặt																								
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10=11+20	11=12+17	12=13+..16	13	14	15	16	17=8+9	8	19	20=21+22	21	22	23	24	25	26	27
A	**Phân bổ theo đơn vị**																										
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																										
	Tên đơn vị																										
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																										
	Tên đơn vị																										
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**																										
	Tên đơn vị																										
IV	**Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên**																										
	Tên đơn vị																										
B	**Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này**																										
	Đề án...																										
	Nhiệm vụ...																										
	Tổng cộng																										

Ghi chú:

Các nhiệm vụ, đề án thuyết minh chi tiết (mức dự toán đã được duyệt, đã bố trí, bố trí lần này)

Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể số lượng và định mức phân bổ

Mẫu biểu số 40.1

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG NĂM .....

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỔ (theo từng đợt phân bổ)																						Tỷ lệ (%) chi NSNN năm nay so với năm trước liền kề
		Người lao động			Quỹ lương			Tỷ lệ hỗ trợ lương	Định mức chi chuyên môn	Định mức mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Dự toán chi NSNN năm nay	Chi thường xuyên					Chi không thường xuyên			Tổng thu phí và thu khác	Trong đó			Lệ phí	
		Biên chế		Hợp đồng 68	Cộng	Quỹ lương biên chế có mặt	Quỹ lương HĐ 68					Cộng	Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi chuyên môn theo ĐM	Chi đặc thù, lấy mẫu, thử mẫu,k.tra chất lượng SP, hàng hóa	Cộng	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Các DA được duyệt		Phí	Thu hoạt động dịch vụ	Thu khác		
		Kế hoạch	Có mặt																					
A	B	28	29	30	31=32+33	32	33	34	35	36	37=38+43	38=39+..42	39	40	41	42	43=44+45	44	45	46	47	48	49	50	51=37/11
A	**Phân bổ theo đơn vị**																							
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																							
	Tên đơn vị																							
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																							
	Tên đơn vị																							
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**																							
	Tên đơn vị																							
IV	**Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên**																							
	Tên đơn vị																							
B	**Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này**																							
	Đề án...																							
	Nhiệm vụ...																							
	Tổng cộng																							

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương:...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM .....

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.2

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ..... (NĂM HIỆN HÀNH)																
		Người lao động			Quỹ lương (không bao gồm hoạt động dịch vụ)			Giường bệnh KH		Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền			TỔNG NGUỒN NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	DỰ TOÁN NSNN GIAO ĐẦU NĂM	Chi nhiệm vụ thường xuyên	*Trong đó:*			
		Số lượng người làm việc (biên chế)		Hợp đồng 68	Cộng	Quỹ lương biên chế có mặt	Quỹ lương HĐ 68	Tổng GB	trong đó GB tăng (+), giảm (-) trong năm	Tiền lương	Chi thường xuyên	Chi mua sắm, sửa chữa				Tiền lương	Chi thường xuyên	Các khoản chi đặc thù	Khác (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46, Nghị định 116)
		Kế hoạch	Có mặt																
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+24	13=14+19	14=15+..18	15=4*9	16	17	18
A	**Phân bổ theo đơn vị**																		
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																		
	Tên đơn vị																		
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																		
	Tên đơn vị																		
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**																		
	Tên đơn vị																		
IV	**Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên**																		
	Tên đơn vị																		
B	**Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này**																		
	Đề án...																		
	Nhiệm vụ...																		
	Tổng cộng																		

Ghi chú:
Các nhiệm vụ, đề án thuyết minh chi tiết (mức dự toán đã được duyệt, đã bố trí, bố trí lần này)
Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể số lượng và định mức phân bổ

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.2

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ..... (NĂM HIỆN HÀNH)																			Chênh lệch tiền lương thu được trong giá dịch vụ KB, CB và quỹ lương
		Chi nhiệm vụ không thường xuyên	*Trong đó*			Bổ sung trong năm			Tổng số thu sự nghiệp	*Trong đó*											
										Thu từ người bệnh có thẻ BHYT					Thu từ người bệnh không có thẻ BHYT					Thu dịch vụ KB, CB theo yêu cầu	Thu SN khác (số bổ sung nguồn KP)	
			Đề án bệnh viện vệ tinh, 1816...	Mua sắm đặc thù theo Đề án, nhiệm vụ khác	Mua sắm, sửa chữa TSCĐ thường xuyên	Cộng	Nhiệm vụ thường xuyên	Nhiệm vụ không thường xuyên		Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền,...	Phần thu do kết cấu tiền lương	Phần thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ.chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại	Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền,...	Phần thu do kết cấu tiền lương	Phần thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ.chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại			
A	B	19=20+ ..23	20	21	23=7*11	24=25+26	25	26	27=28+31+34+35	28=29+..32	29	30	31	32	33=34+...37	34	35	36	37	38	39	40=30+35-4
A	**Phân bổ theo đơn vị**																					
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																					
	Tên đơn vị																					
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																					
	Tên đơn vị																					
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**																					
	Tên đơn vị																					
IV	**Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên**																					
	Tên đơn vị																					
B	**Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này**																					
	Đề án...																					
	Nhiệm vụ...																					
	Tổng cộng																					

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.2

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỔ (THEO TỪNG ĐỢT PHÂN BỔ)																					
		Người lao động			Quỹ lương (không bao gồm hoạt động dịch vụ)			Giường bệnh KH		Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền			TỔNG NGUỒN NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	DỰ TOÁN NSNN GIAO LẦN NÀY	Chi nhiệm vụ thường xuyên	*Trong đó:*				Chi nhiệm vụ không thường xuyên	*Trong đó*		
		Số lượng người làm việc (biên chế)		Hợp đồng 68	Cộng	Quỹ lương biên chế có mặt	Quỹ lương HĐ 68	Tổng GB	trong đó GB tăng (+), giảm (-) trong năm	Tiền lương	Chi thường xuyên	Chi mua sắm, sửa chữa				Tiền lương	Chi thường xuyên	Các khoản chi đặc thù	Khác (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46)		Đề án bệnh viện vệ tinh, 1816...	Mua sắm đặc thù theo Đề án, nhiệm vụ khác	Mua sắm, sửa chữa TSCĐ thường xuyên
		Kế hoạch	Có mặt																				
A	B	41	42	43	44=45+46	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
A	**Phân bổ theo đơn vị**																						
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																						
	Tên đơn vị																						
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																						
	Tên đơn vị																						
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**																						
	Tên đơn vị																						
IV	**Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên**																						
	Tên đơn vị																						
B	**Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này**																						
	Đề án...																						
	Nhiệm vụ...																						
	Tổng cộng																						

Mẫu biểu số 40.2

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỐI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỔ (THEO TỪNG ĐỢT PHÂN BỔ)													Chênh lệch tiền lương thu được trong giá dịch vụ KB, CB và quỹ lương	Tỷ lệ (%) chi NSNN năm nay so với năm trước liền kề
		Tổng số thu sự nghiệp	*Trong đó*										Thu dịch vụ KB, CB theo yêu cầu	Thu SN khác (số bổ sung nguồn KP)		
			Thu từ người bệnh có thẻ BHYT					Thu từ người bệnh không có thẻ BHYT								
			Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền,...	Phần thu do kết cấu tiền lương	Phần thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ.chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại	Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền, ...	Phần thu do kết cấu tiền lương	Phần thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ.chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại				
A	B	63=64+69+74+75	64=65+..68	65	66	67	68	69=70+...73	70	71	72	73	74	75	76	77
A	**Phân bổ theo đơn vị**															
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**															
	Tên đơn vị															
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**															
	Tên đơn vị															
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**															
	Tên đơn vị															
IV	**Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên**															
	Tên đơn vị															
B	**Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này**															
	Đề án...															
	Nhiệm vụ...															
	Tổng cộng															

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA , THÔNG TIN NĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 41

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung / Đơn vị	Ước thực hiện năm trước																									
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi																					III. Chênh lệch thu - chi
									Loại - khoản.....																		
									Chi thường xuyên									*Chi không thường xuyên (*)*									
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	Tổng cộng			*Cộng chi thường xuyên*			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			*Cộng chi không thường xuyên*			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm		
						NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
A	**Tổng dự toán được giao**																										
B	**Tổng kinh phí phân bổ**																										
1	Đơn vị A																										
2	Đơn vị B																										
3	Đơn vị C																										
	....																										
C	**Tổng dự toán chưa phân bổ**																										
	Tổng cộng																										

(*) Đối với nhiệm vụ không thường xuyên thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ (cung cấp quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ có liên quan) làm cơ sở thẩm định phân bổ.

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA , THÔNG TIN NĂM....

Mẫu biểu số 41

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung / Đơn vị	Dự toán năm nay																									
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi																					III. Chênh lệch thu - chi
									Loại - khoản.....																		
									Chi thường xuyên									*Chi không thường xuyên (*)*									
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	II. Tổng cộng chi SN VHTT			*Cộng chi thường xuyên*			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			*Cộng chi không thường xuyên*			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm			
						NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	B	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
A	**Tổng dự toán được giao**																										
B	**Tổng kinh phí phân bổ**																										
1	Đơn vị A																										
2	Đơn vị B																										
3	Đơn vị C																										
	.....																										
C	**Tổng dự toán chưa phân bổ**																										
	Tổng cộng																										

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương:...

Mẫu biểu số 42

TỔNG HỢP THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN NĂM ...

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm hiện hành															III. Chênh lệch thu chi
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi											
						1. Chi từ nguồn thu được để lại					2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ						
							Chi thường xuyên					Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên		
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Chi không TX (3)	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+...+9	6	7	8	9	10=11+...+16	11	12	13	14	15	16	17=1-5-10
	Tổng cộng					-										-		
A	**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH**																	
1	Đơn vị A																	
	...																	
B	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**																	
I	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	
II	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	
III	**Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
IV	**Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	
C	**CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	

(1) Thuyết minh rõ số biên chế được duyệt, số biên chế thực tế, hệ số lương được áp dụng và các chi phí tính theo lương.

(2) Thuyết minh rõ cơ sở tính toán.

(3) Kèm theo hồ sơ liên quan thuyết minh cơ sở phân bổ như: các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, dự toán, kế hoạch mua sắm được duyệt ....

(4)Thuyết minh chi tiết từng Đề án, căn cứ tính toán phân bổ.

TỔNG HỢP THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN NĂM ...

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 42

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm phân bổ															
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi											III. Chênh lệch thu chi
						1. Chi từ nguồn thu được để lại					2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ						
							Chi thường xuyên					Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên		
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Chi không TX (3)	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)	
A	B	18=19+20+21	19	20	21	22=23+...+26	23	24	25	26	27=28+...+33	28	29	30	31	32	33	34=18-22-27
	Tổng cộng					-										-		
A	**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH**																	
1	Đơn vị A																	
	...																	
B	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**																	
I	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	
II	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	
III	**Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
IV	**Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	
C	**CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**					-												
1	Đơn vị A																	
	.....																	

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO N ĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 43

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung / Đơn vị	Ước thực hiện năm trước																									III. Chênh lệch thu-chi
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị				Dự toán chi																					
						Tổng số			Trong đó																		
									Chi thường xuyên										*Chi không thường xuyên*								
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			*Cộng chi không thường xuyên*			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm			
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	**Tổng dự toán được giao**																										
B	**Tổng kinh phí phân bổ**																										
1	Đơn vị A																										
2	Đơn vị B																										
3	Đơn vị C																										
	....																										
C	**Tổng dự toán chưa phân bổ**																										
	Tổng cộng																										

(*) Thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ: cung cấp quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ có liên quan

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO N ĂM....

Mẫu biểu số 43

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung / Đơn vị	Dự toán phân bổ																								
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị				Dự toán chi																				III. Chênh lệch thu-chi
						Tổng số			Trong đó																	
									Chi thường xuyên									*Chi không thường xuyên (*)*								
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			*Cộng chi không thường xuyên*			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm		
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	**Tổng dự toán được giao**																									
B	**Tổng kinh phí phân bổ**																									
1	Đơn vị A																									
2	Đơn vị B																									
3	Đơn vị C																									
	....																									
C	**Tổng dự toán chưa phân bổ**																									
	Tổng cộng																									

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 44.1**
Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	Tổng chi		
I	**Kinh phí chi thường xuyên**		
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
II	**Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên**		
1	***Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường (1)***		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án		
2	***Hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo quyết định của cấp có thẩm quyền (1)***		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án ...		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án		
3	***Chi các hoạt động khác (2)***		
1	Vốn đối ứng dự án bảo vệ môi trường		
2	...		

Ghi chú:

(1) Thuyết minh từng dự án/nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, thời gian thực hiện, tổng mức kinh phí được phê duyệt, lũy kế kinh phí đã bố trí đến hết năm hiện hành

(2) Thuyết minh chi tiết theo từng nội dung cụ thể.

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 44.2**

Chương:...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM ....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đơn vị tính đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đơn vị tính đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**				
1	**Đơn vị ...**				
a	*Danh mục A*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
	...				
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**				
1	**Đơn vị ...**				
a	*Danh mục A*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
	Danh mục A				
	...				
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**				
1	**Đơn vị ...**				
a	Danh mục A (*NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
b	Danh mục B (*NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
c	....				
2	**Đơn vị...**				
	...				
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)**				
1	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 45.1**

Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
I	**Tổng chi**		
1	**Kinh phí chi thường xuyên**		
a	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
b	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
2	**Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên**		
a	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ		
b	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp		
d	Vốn đối ứng dự án		
đ	...		
II	**Tổng chi tại phần I nêu trên chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động kinh tế như sau:**		
1	**Chi sự nghiệp giao thông**		
a	*Chi hoạt động kinh tế đường bộ*		
	- Bảo trì công trình đường bộ		
	- Quản lý công trình đường bộ		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa*		
	- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên		
	- Sửa chữa không thường xuyên đường thủy nội địa		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế hàng không*		
	- Hoạt động an ninh, an toàn hàng không		
	...		
d	*Chi hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải*		
	- Hoạt động thường xuyên tìm kiếm cứu nạn		
	...		
đ	*Chi hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông*		
e	*Chi hoạt động kinh tế đường sắt*		
g	*Chi hoạt động kinh tế hàng hải*		
h	*Chi hoạt động giao thông khác*		
2	**Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp**		
a	*Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp*		
	- Khuyến nông		
	- Chương trình giống		
	- Sự nghiệp thú y		
	- Sự nghiệp bảo vệ thực vật		
	- Điều tra cơ bản về nông nghiệp		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế thủy lợi*		
	- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều		

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 45.1**

Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	- Chi phòng chống thiên tai		
	- Điều tra cơ bản về thủy lợi		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế thủy sản*		
	- Hoạt động kiểm ngư		
	- Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		
	- Điều tra cơ bản về thủy sản		
	...		
d	*Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp*		
	- Bảo vệ và phát triển rừng		
	- Hoạt động lực lượng kiểm lâm		
	- Điều tra cơ bản về lâm nghiệp		
	...		
đ	*Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp khác*		
	...		
3	**Chi sự nghiệp tài nguyên**		
a	*Chi hoạt động kinh tế đo đạc bản đồ và viễn thám*		
	- Đo đạc và bản đồ		
	- Viễn thám		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế đất đai*		
	- Điều tra cơ bản về đất đai		
	- Chi hoạt động khác		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế địa chất khoáng sản*		
	- Điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
	- Các hoạt động khác		
	...		
d	*Chi hoạt động kinh tế tài nguyên nước*		
	- Điều tra cơ bản về tài nguyên nước		
	- Các hoạt động khác		
	...		
đ	*Chi hoạt động kinh tế biển và hải đảo*		
	- Điều tra cơ bản về biển và hải đảo		
	- Các hoạt động khác		
	...		
e	*Chi hoạt động kinh tế khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu*		
	- Hoạt động dự báo khí tượng thủy văn		
	- Hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu		
	- Điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
	...		
g	*Chi hoạt động kinh tế tài nguyên khác*		
	...		

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 45.1**

Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
4	**Chi sự nghiệp thương mại, công nghiệp**		
a	*Chi hoạt động kinh tế thương mại*		
	- Hoạt động xúc tiến thương mại		
	- Hoạt động thương mại điện tử		
	- Điều tra cơ bản về thương mại		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế công nghiệp*		
	- Khuyến công		
	- Điều tra cơ bản về công nghiệp		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế công thương khác*		
	...		
5	**Chi sự nghiệp xây dựng**		
a	*Chi hoạt động kinh tế xây dựng*		
	- Điều tra cơ bản xây dựng		
	...		
b	*Chi hoạt động xây dựng khác*		
	...		
6	**Chi sự nghiệp ....**		
7	**Chi nhiệm vụ quy hoạch**		
8	**Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia**		
	Trong đó:		
	Mặt hàng A		
	Mặt hàng B		
	(ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)		
9	**Trợ giá giữ đàn giống gốc**		
10	**Chi hoạt động kinh tế khác**		
	...		

Ghi chú: Thuyết minh chi tiết, cụ thể theo từng nội dung phân bổ, giao dự toán.

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương: ...

Mẫu biểu số 45.2

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ .... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Lũy kế số bố trí đến hết năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2	3	4	5
I	**ĐIỀU TRA CƠ BẢN**					
1	**Dự án chuyển tiếp**					
	- Dự án A					
	- Dự án					
	... ...					
2	**Dự án mở mới**					
	- Dự án A					
	- Dự án					
	... ...					
II	**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**					
1	**Dự án chuyển tiếp**					
	- Dự án A					
	- Dự án					
	... ...					
2	**Dự án mở mới**					
	- Dự án A					
	- Dự án					
	... ...					

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 45.3**
Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM ....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư** (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, có khấu hao TSCĐ)				
1	**Đơn vị ...**				
a	*Danh mục A*				
b	*Danh mục B*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
b	*Danh mục B*				
	...				
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên** (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí,không có khấu hao TSCĐ)				
1	**Đơn vị ...**				
a	*Danh mục A*				
b	*Danh mục B*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
	Danh mục A				
	Danh mục B				
	...				
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên** (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá chưa tính đủ chi phí (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)				
1	**Đơn vị ...**				
a	Danh mục A (*NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
b	Danh mục B (*NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				

Bộ, cơ quan Trung ương: ... **Mẫu biểu số 45.3**
Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM ....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
C	....				
2	**Đơn vị...**				
	...				
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)**				
1	Đơn vị...				
2	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ, cơ quan Trung ương: ..... **Mẫu biểu số 46.1**

Chương: .....

THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm....(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi = (I)+(II)+...				
I	**Khoản 463**				
1.1	*Kinh phí giao tự chủ*				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (6)				
...	...				
1.2	*Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (7)*				
1.2.1	Tên nhiệm vụ ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ ...				
	....				
II	**Khoản..**				
	....				

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

(1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;

(2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;

(3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;

(4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;

(5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;

(6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
Chương: .....

Mẫu biểu số 47.1

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM ....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Nhóm đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên (và cả đầu tư nếu có)					Nhóm đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên					Nhóm đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên				
			Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...
A	B	C = D+Đ+E	D	1	2	3	4	Đ	5	6	7	8	E	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II)																
I	**Chi cho đối tượng (2+3+4+5)**																
1	**Số đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên**																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
2	**Chi điều trị**																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
3	**Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng**																
	- Quà và ăn thêm ngày lễ tết																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
	- Các chế độ khác của thương bệnh binh (DCCH, trang cấp đặc biệt, chi tiền tàu, xe cho thương binh, bệnh binh về thăm gia đình, sách báo...)																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
4	**Chi phục vụ đối tượng**																
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng,xăng dầu...																
	Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn																
	Trong đó:																
	- Mua tô tô																

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
Chương: .....

Mẫu biểu số 47.1

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM ....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Nhóm đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên (và cả đầu tư nếu có)					Nhóm đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên					Nhóm đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên				
			Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...
A	B	C = D+Đ+E	D	1	2	3	4	Đ	5	6	7	8	E	9	10	11	12
5	**Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân NCC**																
II	**Chi của đơn vị (3+4)**																
1	**Số biên chế được giao**																
2	**Số người lao động có mặt thực tế tại thời điểm lập dự toán**																
	- Số biên chế có mặt																
	- Số người lao động HĐ 68																
	- Số lao động hợp đồng khác																
3	**Chi nhiệm vụ thường xuyên**																
	Trong đó:																
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương																
b	Chi thường xuyên theo định mức																
4	**Chi nhiệm vụ không thường xuyên**																
	- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ																
	- Vốn đối ứng dự án																
	- Nhiệm vụ ...																
	- Nhiệm vụ ...																
	....																

Bộ, cơ quan Trung ương:.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 47.2

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG DỰ TOÁN PHÂN BỔ	CHI TRẢ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI										CHI CÔNG VIỆC											
			Cộng tiền trợ cấp	*Trợ cấp hàng tháng*	*Trợ cấp một lần*				Trợ cấp ưu đãi giáo dục	Bảo hiểm y tế	Quà Lễ, Tết	Sách báo cán bộ LTCM	Dụng cụ chỉnh hình	*Điều trị, điều dưỡng*			*Mộ - NTLS*	*Hoạt động Khu TB*				*Công tác quản lý*		
					Tổng	Trợ cấp 1 lần theo chế độ thường xuyên	Ưu đãi khác cho TBB (gồm Tiền xe khám bệnh, phí giám định y khoa, hỗ trợ khác cho TB)	Các khoản trợ cấp khác (Thăm viếng, đón tiếp, phí giám định CĐHH và hỗ trợ khác cho thân nhân)						Cộng ĐTĐD	Điều trị	Điều dưỡng		Cộng	HĐTX	Mua sắm, sửa chữa	Hỗ trợ tiền điện, nước theo TT13	Cộng	Theo tỷ lệ qui định	Hỗ trợ khác
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21=22+23	22	23
I	**Dự toán BTC giao**																							
II	**Chưa phân bổ**																							
III	**Phân bổ lần ...**																							
1	Cục Người có công																							
1	Tên địa phương																							
2	.....																							
63	.....																							

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
Chương: .....

Mẫu biểu số 47.3

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM .....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ..... (NĂM HIỆN HÀNH)			DỰ TOÁN NĂM ..... (NĂM PHÂN BỔ)		
		Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao	Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao
A	B	1	2	3	4	5	6
1	BHYT cho đối tượng BHXH						
2	Lương hưu						
3	Công nhân cao su						
4	Mất sức lao động, trợ cấp 91						
5	TN LĐ- BNN và NPV người bị TN						
6	Trợ cấp tuất						
7	Trợ cấp mai táng						
8	Cấp phương tiện trợ giúp, DCCH						
9	Trợ cấp hàng tháng QĐ 613						
10	Trợ cấp khu vực						
11	Chi phí chi trả						
	Cộng:						

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....

Chương:.....

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số: ..... của .....)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	***Số thu phí, lệ phí***	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	***Chi sự nghiệp.....***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	***Lệ phí***	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
3.2	***Phí***	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	.....	

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....
Chương:.....

Mẫu biểu số 49

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM .....

(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số: ..... của .....)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính (Phòng Tài chính), kho bạc nhà nước tỉnh (kho bạc nhà nước huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị ....
A	B	1	2	3	4
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	***Số thu phí, lệ phí***				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
2.1	***Chi sự nghiệp***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
3.1	***Lệ phí***				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
3.2	***Phí***				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	.....				
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu biểu số 50

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSNN THÁNG .... NĂM....

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ ....THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN**					
I	**Thu cân đối NSNN**					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**					
B	**TỔNG CHI NSNN**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
C	**BỘI CHI NSNN/ BỘI THU NSNN**					
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**					

BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu biểu số 51

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM.....

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ ....THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	**Thu viện trợ**					

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 52

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG .... NĂM .....

(Dùng cho Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSNN					
I	**Chi đầu tư phát triển**					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	**Chi dự trữ quốc gia**					
III	**Chi trả nợ lãi**					
IV	**Chi viện trợ**					
V	**Chi thường xuyên**					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách**					
VIII	**Các nhiệm vụ chi khác**					

ĐƠN VỊ .....

Mẫu biểu số 53

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM.....

(Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ ...THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU NSNN					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	Trong đó lệ phí trước bạ					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng					

Ghi chú:

- Mẫu này áp dụng cho cả báo cáo 15 ngày và báo cáo Quý
- Tổng cục thuế báo cáo các chỉ tiêu I, II và III.2
- Tổng cục Hải quan báo cáo các chỉ tiêu III.1

ĐƠN VỊ .....

Mẫu biểu số 54

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ ...NĂM .....

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... QUÝ SO DỰ TOÁN (%)
			QUÝ..	LŨY KẾ.... QUÝ	
A	B	1	2	3	4
I	**Thu phí, lệ phí**				
1	***Tổng thu***				
	Chi tiết theo từng khoản thu				
2	***Thu phí được để lại đơn vị***				
	Chi tiết theo từng khoản thu				
3	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***				
	Chi tiết theo từng khoản thu				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
A	**Chi thường xuyên**				
1	***Chi quản lý hành chính:***				
a	Kinh phí giao tự chủ				
	Quỹ lương				
	Chi thường xuyên theo định mức				
	Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
	(chi tiết theo các khoản chi)				
	....				
b	Kinh phí không giao tự chủ				
	Chi tiết theo các khoản chi				
2	***Chi quốc phòng***				
3	***Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội***				
4	***Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề***				
5	***Chi khoa học và công nghệ***				
6	***Chi y tế, dân số và gia đình***				
7	***Chi văn hóa thông tin***				
8	***Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn***				
9	***Chi thể dục thể thao***				
10	***Chi bảo vệ môi trường***				
11	***Chi bảo đảm xã hội***				
12	***Chi TX khác...***				
	...				
B	**Chi đầu tư phát triển**				
1	***Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể***				
2	***Chi quốc phòng***				
3	***Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội***				
4	***Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề***				
5	***Chi khoa học và công nghệ***				
6	***Chi y tế, dân số và gia đình***				
7	***Chi văn hóa thông tin***				
8	***Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn***				
9	***Chi thể dục thể thao***				
10	***Chi bảo vệ môi trường***				
11	***Chi bảo đảm xã hội***				
12	***Chi ĐT khác...***				
C	**Chi dự trữ**				
D	**Chi cải cách lương**				
E	**Chi CTMTQG, CTMT**				
1	Chương trình MTQG				
a	CTMTQG giảm nghèo bền vững				
	Dự án.....				
b	CTMTQG phát triển nông thôn mới				
	Nội dung....				
2	Chương trình mục tiêu				
a	...				

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ..... **Mẫu biểu số 55**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP THÁNG .... NĂM....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	**Thu cân đối NSNN**					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**					
B	**TỔNG CHI NSĐP**					
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi thường xuyên					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng NSNN					
6	Các nhiệm vụ chi khác					
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**					
C	**BỘI CHI NSĐP/ BỘI THU NSĐP**					
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ....

Mẫu biểu số 56

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM.....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	Trong đó lệ phí trước bạ					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.... **Mẫu biểu số 57**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSĐP THÁNG .... NĂM .....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM ....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSĐP					
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**					
I	**Chi đầu tư phát triển**					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách**					
VIII	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**					
1	Chương trình MTQG					
2	Cho chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					

ĐƠN VỊ ....., MÃ SỐ:....
MÃ CHƯƠNG:.....
MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

Mẫu biểu số 58

SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP

NĂM ..... CHUYỂN SANG NĂM.....

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
A	B	1	2	3	4
1	**Kinh phí thường xuyên(2)**				
a	- Kinh phí được giao tự chủ				
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....				
...	....				
2	**Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)**				
.	.....				

Ghi chú:

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện;

(2) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

...., ngày ... tháng ... năm....

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số tiền ở cột số 4)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:....
MÃ CHƯƠNG:....
MÃ KBNN GIAO DỊCH:....

Mẫu biểu số 59

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN NĂM... CHUYỂN SANG NĂM .....

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau	
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang (2)	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh (3)		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11
1	**CHI THƯỜNG XUYÊN(4)**									
a	- Kinh phí được giao tự chủ									
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....									
...	....									
2	**Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tết từng chương trình)**									
3	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (5)**									
1	Dự án A									
2	.....									

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

....., ngày ... tháng ... năm .....

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5,9,10,11)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

UBND ..... **Mẫu biểu số 60**

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số thu					**Tổng số chi**				
A **Tổng số thu cân đối ngân sách**					A **Tổng số chi cân đối ngân sách**				
1 Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					1 Chi đầu tư phát triển				
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %					2 Chi trả nợ lãi, phí tiền vay				
3 Thu từ quỹ dự trữ tài chính					3 Chi thường xuyên				
4 Thu kết dư năm trước					4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					5 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
6 Thu viện trợ					6 Chi chuyển nguồn sang năm sau				
7 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên									
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách									
- Bổ sung có mục tiêu									
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi) **- Bội chi = chi - thu**[1]									
B Vay của ngân sách cấp tỉnh[1] **(chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)**					**B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)**[1]				

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN
(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày tháng năm...
TM.UBND .....
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng; [1] Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã không có nội dung này.

(Cơ quan tài chính ký đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, kế toán đối với NS cấp xã)

UBND .....

Mẫu biểu số 61

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	TỔNG SỐ (A+B +C+D+E)									
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**									
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí									
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
	- Thu từ khí thiên nhiên									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí									
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
5	**Lệ phí trước bạ**									
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**									
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**									
8	**Thuế thu nhập cá nhân**									
9	**Thuế bảo vệ môi trường**									
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu									
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước									
10	**Phí, lệ phí**									
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu									
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu									
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản									
11	**Tiền sử dụng đất**									
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý									
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý									

UBND .....

Mẫu biểu số 61

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
12	**Thu tiền thuê đất, mặt nước**									
13	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**									
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương									
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương									
14	**Thu từ bán tài sản nhà nước**									
	Trong đó: - Do trung ương									
	- Do địa phương									
15	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước**									
	Trong đó: - Do trung ương xử lý									
	- Do địa phương xử lý									
16	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**									
17	**Thu khác ngân sách**									
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương									
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**									
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp									
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp									
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**									
20	**Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế**									
21	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)**									
II	**Thu về dầu thô**									
1	***Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng***									
1.1	Thuế tài nguyên									
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam									
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam									
1.5	Thuế đặc biệt									
1.6	Thu khác									
2	***Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.***									
3	***Phụ thu về dầu, khí***									

UBND .....

Mẫu biểu số 61

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
4	***Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)***									
III	**Thu Hải quan**									
1	Thuế xuất khẩu									
2	Thuế nhập khẩu									
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu									
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu									
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam									
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu									
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện									
8	Phí, lệ phí hải quan									
9	Thu khác									
IV	**Thu Viện trợ**									
V	***Các khoản huy động, đóng góp***									
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng									
2	Các khoản huy động đóng góp khác									
VI	**Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính**									
1	***Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách***									
2	***Thu từ các khoản cho vay của ngân sách***									
2.1	Thu nợ gốc cho vay									
2.2	Thu lãi cho vay									
3	***Thu từ quỹ dự trữ tài chính***									
B	**VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**									
I	**Vay bù đắp bội chi NSĐP**									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
II	**Vay để trả nợ gốc vay**									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
C	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**									
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**									
1.	***Bổ sung cân đối***									
2.	***Bổ sung có mục tiêu***									

UBND .....

Mẫu biểu số 61

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
2.1	*Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước*									
2.2	*Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước*									
II	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**									
D	**THU CHUYỂN NGUỒN**									
E	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**									

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN
(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày tháng năm
TM.UBND .....
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

UBND .....

Mẫu biểu số 62

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm				So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSĐP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3):(1)	(8)=(3):(2)
2.10	Chi các hoạt động kinh tế								
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
2.12	Chi Bảo đảm xã hội								
2.13	Chi khác								
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**								
V	**Chi chuyển nguồn**								
B	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**								
1	Bổ sung cân đối								
2	Bổ sung có mục tiêu								
	Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước								
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước								
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**								
	TỔNG SỐ (A+B+C)								

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN
(Ký tên, đóng dấu)

...., ngày tháng năm....
TM.UBND .....
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

- Cột (1) chỉ phản ánh những chỉ tiêu TW giao ở dòng tương ứng

(1) - Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 63**

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP THEO MỤC LỤC NSNN

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Mục	Tiểu mục	NSNN	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)								

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

...., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

Mẫu biểu số 64

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSĐP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 65**

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM .....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

Mẫu biểu số 66

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM .....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
	Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán					
1	Do chính sách thay đổi					
	- Phụ cấp đặc biệt					
	- Phụ cấp khu vực					
	...					
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
	...					
	...					
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán					
	- Số biên chế tăng, giảm					
	- Số kinh phí tăng, giảm					
4	Mua sắm tài sản					
	Trong đó: - Số ô tô					
	- Số kinh phí					
5	Sửa chữa trụ sở làm việc					
	....					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

...., ngày tháng năm....

CÁN BỘ TRÌNH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 67**

THUYẾT MINH
CHI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM .....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
A	B	1	2	3	4
A	**Tổng nguồn**				
I	Nguồn trong nước				
1	Trung ương bổ sung				
2	Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ				
3	Nguồn của NSĐP				
	Tr.đó: - Từ nguồn dự phòng				
	- Từ quỹ dự trữ tài chính				
	- Từ nguồn tăng thu				
	- Từ nguồn thưởng vượt thu				
	- Từ nguồn khác				
4	Các nguồn khác				
II	Nguồn viện trợ nước ngoài				
B	**Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSĐP**				
I	Chi đầu tư XDCB				
II	Chi thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp kinh tế				
2	Chi giáo dục				
3	Chi y tế				
4	Chi đảm bảo xã hội				
	....				

...., ngày tháng năm....

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

Mẫu biểu số 68

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG

NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỞNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM ....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thưởng vượt dự toán thu	
A	B	1	2	3	4	5
A	**Tổng nguồn**					
B	**Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSĐP**					
I	Chi đầu tư XDCB					
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi sự nghiệp kinh tế					
2	Chi giáo dục					
3	Chi y tế					
4	Chi đảm bảo xã hội					
...	....					

...., ngày tháng năm...

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo dùng các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 69**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM .....

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:							
	....							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:							
	....							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
II	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:							
	....							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:							
	....							

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 69**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM .....

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
III	**Các vấn đề khác liên quan cần giải trình**							
	.....							

...., ngày tháng năm....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CHỦ TỊCH UBND

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO:

Mẫu biểu số 70

BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU NĂM ....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm trước (năm liền kề)	Năm báo cáo	Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3 = 2 – 1	4 = 3/1	5
1	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn					
2	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán					
3	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội					
4	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi					
5	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc					
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện					
7	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau					

(Giải trình: Nêu lý do số liệu năm báo cáo tăng/giảm so với số liệu năm liền kề)

.....ngày .... tháng.... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2 - DANH MỤC MẪU QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

SỐ THỨ TỰ MẪU	NỘI DUNG MẪU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Mẫu A:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....	Dùng cho: - Bộ, cơ quan Trung ương giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Bộ, cơ quan Trung ương gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước
Mẫu B:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....	Dùng cho: - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh gửi Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp
Mẫu C:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....	Dùng cho: - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện gửi Phòng Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp

Mẫu A

BỘ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: ...../.....(ĐV)	..... , *ngày..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH [1]

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....

BỘ TRƯỞNG BỘ .....

- Căn cứ Nghị định số ..... ngày ..... của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ .....;

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....;

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ... theo phụ lục[2] đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm ..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:	**BỘ TRƯỞNG**
- Bộ Tài chính (3);	*(Ký tên, đóng dấu)*
- KBNN (4);	
- Đơn vị sử dụng ngân sách (5);	
- KBNN nơi giao dịch (5) (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);	
- Lưu.....	

Ghi chú:

(1) Mẫu này áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương.

(2) Mẫu biểu số 36, 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(3) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36, 37 và thuyết minh phân bổ theo mẫu biểu số 38,39,40,41,42,43,44,45,46 và 47 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(4) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(5) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

Mẫu B

SỞ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....(ĐV)	..... , *ngày..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH [1]

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....

GIÁM ĐỐC SỞ .....

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở .....

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân ..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở... theo phụ lục[2] đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm ..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
- Sở Tài chính[3];	*(Ký tên, đóng dấu)*
- KBNN tỉnh (thành phố)[4];	
- Đơn vị sử dụng ngân sách[5];	
- KBNN nơi giao dịch[5] (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);	
- Lưu.....	

Ghi chú

(1) Mẫu này áp dụng cho các sở, ban, ngành thuộc cấp tỉnh;

(2) Mẫu biểu số 48,49

(3) Mẫu biểu số 48, 49

(4) Mẫu biểu số 49

(5) Mẫu biểu số 48

ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

Mẫu C

PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....(ĐV)	....., *ngày..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH [1]

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....

TRƯỞNG PHÒNG .....

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân ... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng .....

- Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Ủy ban nhân dân..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm .....

- Căn cứ ý kiến của Phòng Tài chính tại văn bản số..... ngày.....về phương án phân bổ ngân sách năm....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng ... theo phụ lục[2] đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm ..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:	**TRƯỞNG PHÒNG**
- Phòng Tài chính[3]...;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- KBNN huyện[4] (thị xã,...);	
- Đơn vị sử dụng ngân sách[5];	
- Lưu.....	

Ghi chú:

(1) Mẫu này áp dụng cho các phòng, ban thuộc cấp huyện;

(2) Mẫu biểu số 48,49

(3) Mẫu biểu số 48, 49

(4) Mẫu biểu số 49

(5) Mẫu biểu số 48

ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.